

Số: 235 /BC-UBND

Bình Định, ngày 19 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, tình hình kinh tế - xã hội tháng 12 và cả năm 2018

Thực hiện Công văn số 8733/BKHĐT-TH ngày 07/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tình hình kinh tế - xã hội tháng 12 và cả năm 2018; UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo một số nội dung như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP NĂM 2018 CỦA CHÍNH PHỦ VÀ KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018

Thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ, ngày 10/01/2018 UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 59/QĐ-UBND về một số chỉ tiêu và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; Quyết định số 60/QĐ-UBND ban hành Chương trình công tác trọng tâm năm 2018. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương phấn đấu, nỗ lực vượt qua khó khăn, tiếp tục đẩy mạnh triển khai các giải pháp hoàn thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp. Cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực, chú trọng ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ. Xây dựng nền hành chính kỷ luật, kỷ cương, liêm chính, kiến tạo phát triển, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí. Quan tâm phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Tăng cường bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên, chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giảm thiểu tai nạn giao thông, phòng chống cháy nổ.

Kết quả công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được phân công chủ trì theo **Phụ lục số 01** đính kèm.

1. Về phát triển kinh tế:

Tổng sản phẩm địa phương (GRDP) năm 2018 tăng 7,32%. Trong đó, nông, lâm, thủy sản tăng 4,99%; công nghiệp, xây dựng tăng 9,03%; dịch vụ tăng 7,38%; thuế trừ trợ cấp sản phẩm tăng 8,43%. (*Các Chỉ tiêu chủ yếu năm 2018 theo **Phụ lục số 02** đính kèm*)

- Sản xuất nông, lâm, thủy sản giành thắng lợi toàn diện, với mức tăng 4,99% (kế hoạch 3%). Nhờ tập trung chỉ đạo với nhiều giải pháp đồng bộ, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ trong sản xuất nông nghiệp đã phát huy tác dụng, bước đầu đem lại kết quả tích cực. Tổng diện tích trồng lúa cả 3 vụ ước đạt 103.627,6 ha, giảm 1,4% so với cùng kỳ. Sản lượng lúa ước đạt 666.240,3 tấn, xấp xỉ cùng kỳ. Năng suất bình quân ước đạt 64,3 tạ/ha, tăng 0,9 tạ/ha so với cùng kỳ. Các địa phương đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng được 3.482,7ha (vụ Đông Xuân 674 ha, vụ Hè Thu 2.405,7 ha và vụ Mùa 403 ha), tăng 464,2 ha so với năm 2017. Toàn tỉnh đã triển khai thực hiện 264 cánh đồng mẫu lớn (253 cánh

đồng lúa và 11 cánh đồng cây trồng cạn), tăng 24 cánh đồng so với năm 2017 và thực hiện 109 cánh đồng tiên tiến, tổng diện tích 12.426,5ha. Công tác di dân, tái định cư phục vụ thi công hồ Đồng Mít và đảm bảo an toàn các hồ, đập luôn được các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương quan tâm. Công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, kiểm dịch động vật tiếp tục được tăng cường, không để phát sinh dịch bệnh. Giá heo hơi trong năm tăng mạnh, nên đã tác động tích cực đến việc khôi phục đàn heo của tỉnh. Theo kết quả điều tra chăn nuôi tại thời điểm ngày 01/10/2018, đàn bò hơn 290.580 con, giảm 1,4%; đàn heo hơn 740.000 con, tăng 8%; đàn gia cầm hơn 7,6 triệu con, tăng 7,7% so với thời điểm 01/10/2017. Trong năm đã chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các dự án trồng rừng; công tác quản lý, bảo vệ và phòng chống cháy rừng luôn được chú ý tăng cường. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 54% (kế hoạch là 53%). Sản lượng khai thác, nuôi trồng thủy sản ước đạt 243.218 tấn, tăng 5,5% so với năm 2017; trong đó, sản lượng khai thác ước đạt 232.971 tấn (tăng 5,4%), sản lượng nuôi trồng ước đạt 10.247 tấn (tăng 8,5%). Thực hiện Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan chức năng đã tiếp nhận 7.161 hồ sơ; tổ chức thẩm định, phê duyệt 5.961 hồ sơ, với tổng số tiền hỗ trợ cho các tàu cá đánh bắt xa bờ là 473,5 tỷ đồng. Tính đến nay, toàn tỉnh có 61 tàu cá đóng mới đã hoàn thành, đưa vào hoạt động sản xuất. Việc triển khai thực hiện các giải pháp cấp bách khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định đạt được nhiều tiến bộ. Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới đã và đang tích cực triển khai thực hiện, năm 2018 đã xem xét công nhận thêm 17 xã đạt chuẩn nông thôn mới, lũy kế đến nay trên địa bàn tỉnh có 66/121 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 54,5%). Công tác quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu tiếp tục quan tâm chỉ đạo.

- *Về sản xuất công nghiệp*: Mặc dù gặp không ít khó khăn trong thu hút đầu tư, số lượng nhà máy mới đi vào hoạt động không nhiều, nhưng với sự nỗ lực, cố gắng của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp, tình hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2018 tiếp tục tăng trưởng. Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,71%. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 9,34% so với cùng kỳ; trong đó, nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giữ vai trò chủ lực, có mức tăng trên 9,7%. Nhiều doanh nghiệp đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc đầu tư mở rộng, nâng cao năng lực sản xuất, chế biến, tích cực tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm, góp phần gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn. Các chương trình khuyến công, tư vấn phát triển công nghiệp tiếp tục được triển khai thực hiện. Hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp và làng nghề phát triển ổn định.

Giá trị sản xuất xây dựng năm 2018 tăng 8,4% so với cùng kỳ. Trong năm, hầu hết các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh đã được đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng. Các ngành, các địa phương thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hồ sơ thủ tục chuẩn bị đầu tư nên các công trình, nhất là các công trình trọng điểm của tỉnh như đường phía Tây tỉnh (đoạn nối từ thành phố Quy Nhơn đến KCN, Đô thị và Dịch vụ Becamex Bình Định), đường nối từ đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội đến Sân bay Phù Cát... triển khai xây dựng đúng kế hoạch, góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng hoạt động xây dựng.

Khu kinh tế Nhơn Hội và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi các dự án đầu tư kinh doanh và xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nhơn Hội đến năm 2040; bổ sung Quy hoạch KCN, Đô thị và Dịch vụ

Becamex Bình Định (2.308ha) vào Quy hoạch chung Khu kinh tế Nhơn Hội; đang triển khai Dự án phát triển đô thị tại Khu đô thị sinh thái Nhơn Hội. Trong năm 2018, Khu kinh tế Nhơn Hội đã cấp mới 10 dự án với vốn đăng ký 7.851 tỷ đồng; điều chỉnh 17 dự án với vốn tăng thêm 459 tỷ đồng; thu hồi 03 dự án với vốn giảm 6.020 tỷ đồng. Đến nay, có 74 dự án đăng ký đầu tư vào Khu kinh tế Nhơn Hội, với tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 42.825 tỷ đồng, vốn thực hiện đạt khoảng 13.586 tỷ đồng.

Năm 2018, tại các khu công nghiệp đã cấp mới 10 dự án đầu tư, với tổng vốn đăng ký là 618 tỷ đồng, lũy kế đến nay có 232 dự án đầu tư vào các khu công nghiệp, với tổng vốn đăng ký 12.812 tỷ đồng, vốn thực hiện đạt 8.485 tỷ đồng. Có 42/63 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động, với tổng diện tích theo quy hoạch là 1.369,6 ha; đã thu hút được 368 cơ sở sản xuất đăng ký đầu tư, với tổng vốn đăng ký 8.073 tỷ đồng; trong đó: có 323 cơ sở sản xuất đã đi vào hoạt động, giải quyết việc làm cho hơn 18.200 lao động địa phương, với mức lương bình quân từ 3,5÷4,5 triệu đồng/người/tháng.

- Hoạt động *thương mại, dịch vụ* tiếp tục phát triển cả về số lượng và chất lượng. Hàng hóa phong phú, đa dạng, lưu thông thông suốt đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội tăng 13,5% so với năm trước. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, đảm bảo chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm có nhiều nỗ lực cố gắng và triển khai thực hiện theo đúng quy định. Trong năm, các doanh nghiệp kinh doanh thương mại trên địa bàn tỉnh đã thực hiện nhiều đợt bán hàng khuyến mại, đưa hàng Việt về nông thôn, tạo điều kiện cho người dân khu vực nông thôn có cơ hội tiếp cận nhiều chủng loại, mặt hàng Việt với giá cả hợp lý, đảm bảo chất lượng. Thương mại miền núi luôn được chú ý quan tâm, các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu tổ chức phục vụ kịp thời, đáp ứng nhu cầu mua sắm cho đồng bào.

Công tác xúc tiến thương mại tiếp tục được quan tâm đẩy mạnh. Ngoài việc thường xuyên tăng cường cung cấp thông tin thương mại, thị trường xuất nhập khẩu cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, trong năm 2018 đã tổ chức thành công một số Hội chợ thương mại tại tỉnh và đã hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất tham gia Hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước.

Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 800 triệu USD, đạt kế hoạch năm và tăng 10,4% so với cùng kỳ. Các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng như: Sản phẩm gỗ tăng 4,1%; dệt may tăng 38,6%; thủy sản tăng 1,1%; sản phẩm từ chất dẻo tăng 43,6%, gạo tăng 38,5%. Một số nhóm hàng xuất khẩu có kim ngạch giảm so với cùng kỳ như: Sắn và các sản phẩm từ sắn giảm 27%, giày dép giảm 21,1%, quặng và khoáng sản khác giảm 5,2%....

Hoạt động du lịch tăng trưởng khá; tổng lượng khách du lịch đến tỉnh trong năm ước đạt trên 4 triệu lượt, tăng 10,6% so với cùng kỳ (trong đó, khách du lịch quốc tế ước đạt trên 286.400 lượt, tăng 8,3%; khách nội địa ước đạt 3,8 triệu lượt, tăng 10,8%). Tổng doanh thu du lịch năm 2018 ước đạt trên 3.300 tỷ đồng, tăng 54,7% so với cùng kỳ. Một số khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp đã và đang tiếp tục xây dựng như: Dự án tổ hợp khách sạn FLC, dự án TMS Luxury Hotel Quy Nhơn Beach, Khu phức hợp Kim Cúc... Bên cạnh công tác khuyến khích thu hút đầu tư, phát triển du lịch, công tác quản lý nhà nước về du lịch thường xuyên được tăng cường, nhất là đối với lĩnh vực giá dịch vụ, an ninh trật tự tại các khu, điểm du lịch nên đã tạo sự yên tâm, tin tưởng đối với du khách. *Hàng hóa thông qua cảng biển* ước đạt trên 9.020 nghìn TTQ, tăng 7,9% so với cùng kỳ.

- *Tổng thu ngân sách nhà nước* trên địa bàn tỉnh đạt 8.466 tỷ đồng, vượt 25% dự

toán năm và tăng 11,7% so với cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa 7.791 tỷ đồng, vượt 25,9% dự toán năm và tăng 11,9% so với cùng kỳ. Chi cân đối ngân sách địa phương ước thực hiện 13.709,3 tỷ đồng, vượt 21,3% dự toán năm và tăng 15,2% so với cùng kỳ, trong đó chi thường xuyên ước thực hiện 6.406,9 tỷ đồng, vượt 2,1% dự toán năm và tăng 5,7% so với cùng kỳ.

- *Về thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển:* Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh ước đạt 30.140 tỷ đồng, tăng 9,7% so với cùng kỳ và bằng 42,6% tổng sản phẩm địa phương (GRDP). UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; đồng thời, yêu cầu các ngành chức năng và các chủ đầu tư thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công, nhất là các dự án, công trình quan trọng, có giá trị đầu tư lớn. Nhờ đó, các dự án, công trình được đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 tốt hơn so với cùng kỳ năm trước. Tổng vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương ước tính đến 31/12/2018 là 3.589,7 tỷ đồng, đạt 95,15% kế hoạch vốn được giao, tăng 2,68% so với cùng kỳ.

- *Công tác quản lý doanh nghiệp, hợp tác phát triển và thu hút đầu tư* ngày càng quan tâm chú trọng; trong năm đã phê duyệt chủ trương đầu tư 39 dự án trong nước, với tổng vốn hơn 4.246,9 tỷ đồng. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư 7 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 84,9 triệu USD. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 77 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 741,9 triệu USD; trong đó có 30 dự án trong KKT và KCN với tổng vốn đăng ký 501,9 triệu USD; 47 dự án ngoài KKT, KCN với tổng vốn đăng ký 240 triệu USD.

Nhờ sự tích cực vận động của các cấp, các ngành, các địa phương, cùng với sự quan tâm hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung ương và các nhà tài trợ, trong năm 2018 đã có nhiều dự án sử dụng vốn ODA có quy mô lớn được triển khai trên địa bàn tỉnh như: Dự án khắc phục sau thiên tai, dự án vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2, dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP), xây dựng Đập ngăn mặn sông Lại Giang, sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Bình Định (WB8)...

Năm 2018, có khoảng 900 doanh nghiệp thành lập mới, với tổng vốn đăng ký khoảng 7.200 tỷ đồng, vốn đăng ký bình quân 08 tỷ đồng/doanh nghiệp, giảm 4,3% về số doanh nghiệp đăng ký và tăng 12% về vốn đăng ký so với cùng kỳ. Cấp đăng ký cho khoảng 450 chi nhánh/văn phòng đại diện; đăng ký thay đổi cho khoảng 3.400 trường hợp, giải thể và chấm dứt hoạt động 180 trường hợp, tạm ngừng hoạt động 300 trường hợp. Đến cuối năm 2018, trên địa bàn tỉnh có khoảng 6.500 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh và đang hoạt động, với tổng vốn đăng ký 71.000 tỷ đồng, vốn đăng ký bình quân 10,9 tỷ đồng/doanh nghiệp.

Công tác thu hút, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh luôn được quan tâm chú trọng. Năm 2018, tỉnh đã tiếp, làm việc với nhiều doanh nghiệp, tập đoàn đến tìm hiểu cơ hội đầu tư về năng lượng mặt trời, dịch vụ du lịch, sản xuất công nghệ phần mềm, xây dựng khu đô thị sinh thái và nghỉ dưỡng cao cấp, nông nghiệp công nghệ cao thuộc các quốc gia: Mỹ, Úc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đức, Đài Loan, Singapore, Trung Quốc... Đồng thời, tỉnh cũng đã cử một số đoàn công tác tham gia xúc tiến đầu tư tại các thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc nhằm mở rộng giao thương, kết nối với các doanh nghiệp tại hai quốc gia này. Ngoài ra, tỉnh đã tiếp tục ký kết hợp tác phát triển với tỉnh Bình Dương và một số tỉnh Nam Lào theo kế hoạch.

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2017 Bình Định xếp hạng 18/63 tỉnh,

thành phố cả nước (bằng kết quả xếp hạng năm 2016).

2. Về phát triển văn hoá – xã hội

- Hoạt động *văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao* phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân luôn được chú ý quan tâm. Đã tổ chức thành công Lễ đón Bằng UNESCO ghi danh nghệ thuật Bài chòi Trung bộ Việt Nam là di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại, Đại hội TDTT tỉnh lần thứ VIII, các Hội nghị khoa học Quốc tế và nhiều hoạt động mừng Đảng mừng Xuân và chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước và của tỉnh. Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ xây dựng, sửa chữa nâng cấp, trùng tu các công trình di tích văn hóa, lịch sử, danh thắng; chỉ đạo bảo tồn, phát huy loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống (tuồng, dân ca, võ cổ truyền...), đẩy mạnh triển khai phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh tại các địa phương. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hóa và dịch vụ văn hóa, nhất là ở các khu đô thị và nơi tập trung đông dân cư...

- Sự nghiệp *giáo dục - đào tạo* không ngừng được nâng lên, phổ cập giáo dục ở các cấp học vững chắc; chất lượng giáo dục toàn diện luôn được quan tâm hàng đầu. Đã tổ chức thành công kỳ thi trung học phổ thông quốc gia, tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp đạt 96,7%; các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục miền núi, vùng sâu, vùng xa được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả; phong trào thi đua “dạy tốt – học tốt” tiếp tục được nhân rộng; chế độ, chính sách dành cho nhà giáo luôn được quan tâm thực hiện đầy đủ, kịp thời. Tính đến cuối năm 2018, toàn tỉnh có 388 trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia, tăng 23 trường so với năm học trước, đạt tỷ lệ 58,1%. Tổ chức thành công kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 12 THPT năm học 2018- 2019, có 347 học sinh đạt giải, trong đó có 09 giải nhất, 28 giải nhì, 98 giải ba và 212 giải khuyến khích.

- Công tác *chăm sóc sức khỏe nhân dân* có nhiều chuyển biến, quản lý nhà nước về y tế ngoài công lập được tăng cường; thực hiện tốt công tác y tế dự phòng và phòng, chống không để dịch bệnh xảy ra; thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, đẩy mạnh nâng cao y đức đối với đội ngũ y, bác sỹ. Đã hoàn thành đưa vào hoạt động dự án nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh (phần mở rộng) bằng nguồn xã hội hóa; đang chỉ đạo khẩn trương xây dựng, hoàn thành đưa vào sử dụng Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn, Trung tâm Y tế Hoài Nhơn và một số công trình, hạng mục công trình thuộc ngành y tế để kịp thời đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt tỷ lệ 89,7%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm xuống còn 9,7%. Toàn tỉnh có 155/159 xã đạt Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế, đạt tỷ lệ 97,5%. Số xã có bác sỹ công tác là 159/159, tỷ lệ 100% (trong đó: 143 xã có bác sỹ tại chỗ, 16 xã có bác sỹ tăng cường từ tuyến huyện về).

- Công tác *đào tạo nghề, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động*, luôn được các cấp, các ngành và toàn xã hội quan tâm chú trọng. Năm 2018, đã giải quyết việc làm mới cho 29.917 lao động, trong đó, sinh viên mới ra trường là 4.230 người; đã và đang triển khai xuất khẩu lao động vào các thị trường có thu nhập cao, ổn định cùng với các dự án có nhu cầu sử dụng việc làm tại địa phương để góp phần nâng cao thu nhập, giải quyết việc làm cho nhân dân các địa phương; đã phê duyệt 3.543 dự án vay vốn tạo việc làm với số tiền 74,5 tỷ đồng, hỗ trợ việc làm cho 3.817 lao động, tạo việc làm mới cho hơn 29.900 người, đạt 100,2% kế hoạch đề ra.

Phong trào đền ơn, đáp nghĩa, giúp đỡ gia đình chính sách, người có công, người

nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn được đẩy mạnh. Đã hỗ trợ tiền điện cho 33.156 hộ nghèo, 4.676 hộ chính sách xã hội; cấp thẻ BHYT cho 87.319 người nghèo và 11.077 người là đồng bào dân tộc thiểu số ở các vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn; hỗ trợ xây dựng 219 nhà ở cho các hộ dân bị thiệt hại do mưa lũ gây ra cuối năm 2017; hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở cho 2.241 hộ gia đình có công với cách mạng. Công tác giảm nghèo tiếp tục được quan tâm, đến nay tỷ lệ hộ nghèo bình quân toàn tỉnh theo chuẩn nghèo đa chiều giảm xuống còn 7,05%, so với năm 2017 giảm 1,73% (vượt kế hoạch đề ra).

3. Các hoạt động của khối nội chính

- *Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính*: Đã và đang triển khai sắp xếp các tổ chức bên trong cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và hợp nhất các đơn vị sự nghiệp công lập có cùng chức năng, gắn với tinh giản biên chế để thu gọn đầu mối, tránh chồng chéo trong thực thi nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết số 18 và 19 của Ban Chấp hành TW Đảng (Khóa XII). Đồng thời, đã thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh để góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng công vụ, tập trung thống nhất đầu mối nhận, trả kết quả thủ tục hành chính cho người dân và tổ chức, doanh nghiệp tại các cơ quan hành chính cấp tỉnh.

- Công tác *phòng, chống tham nhũng, thanh tra, kiểm tra* tại các cơ quan hành chính Nhà nước và doanh nghiệp luôn được quan tâm chú trọng. Trong năm, đã triển khai 84 cuộc kiểm tra, thanh tra, tập trung vào các lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai, đầu tư, xây dựng cơ bản, tài chính - ngân sách và những vụ việc nổi cộm, bức xúc có dấu hiệu tiêu cực, tham nhũng, vi phạm pháp luật; đã kết luận xử lý thu hồi cho ngân sách nhà nước 10.510 triệu đồng; đề xuất cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm điểm trách nhiệm, xử lý hành chính đối với 15 tập thể và 47 cá nhân có khuyết điểm, sai phạm; chuyển sang cơ quan điều tra 02/05 vụ việc có dấu hiệu của tội phạm liên quan đến hành vi tham nhũng.

Công tác *tiếp dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo* của công dân tại các cơ quan hành chính nhà nước, nhất là ở cấp tỉnh và cấp huyện từng bước đi vào nề nếp, bảo đảm nghiêm túc, có hiệu quả. Trong năm các cấp, các ngành đã tiếp 3.973 lượt/5.267 người đến Trụ sở Tiếp công dân và các cơ quan nhà nước trình bày kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, phản ánh; đã giải quyết 630/699 vụ khiếu nại và 52/55 vụ tố cáo thuộc thẩm quyền.

- Công tác *quốc phòng an ninh* luôn được đảm bảo, huấn luyện quân sự, giáo dục quốc phòng và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân tiếp tục triển khai theo kế hoạch. Đã tổ chức lễ giao quân đạt 100% chỉ tiêu; tham gia bảo vệ an toàn các ngày Lễ lớn của tỉnh và của đất nước. Các lực lượng chức năng đã chủ động nắm bắt tình hình, phát hiện, xử lý kịp thời nhiều vụ việc liên quan đến an ninh chính trị. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm được tăng cường; đã tổ chức nhiều đợt cao điểm ra quân tấn công, trấn áp các loại tội phạm, băng nhóm và phòng chống tệ nạn xã hội.

Tai nạn giao thông tiếp tục được kiểm chế, giảm cả 3 mặt về số vụ, số người chết và bị thương; tính đến ngày 15/11/2018, toàn tỉnh đã xảy ra 262 vụ tai nạn giao thông, làm chết 153 người, bị thương 181 người; so với cùng kỳ năm 2017, giảm 46 vụ, giảm 17 người chết và giảm 44 người bị thương.

4. Những khuyết điểm, tồn tại

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong công tác chỉ đạo thực hiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2018 còn những tồn tại, đó là:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (tổng sản phẩm địa phương - GRDP) tăng khá nhưng thiếu bền vững. Một số sản phẩm, ngành hàng chủ yếu chưa đủ sức cạnh tranh trên thị

trường. Công tác thu hút đầu tư còn hạn chế, chưa thu hút được dự án lớn tạo bước đột phá. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tiến độ xây dựng một số dự án còn chậm, nhất là các dự án trọng điểm. Công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng chưa có nhiều chuyển biến. Việc triển khai một số dự án hạ tầng, chỉnh trang đô thị còn nhiều bức xúc.

- Việc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn; tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp, lấn chiếm đất đai, khai thác trái phép tài nguyên, khoáng sản và ô nhiễm môi trường tại một số cụm, điểm công nghiệp, làng nghề và khu chăn nuôi tập trung vẫn còn xảy ra ở một số địa phương.

- Hoạt động văn hoá - thông tin, thể dục - thể thao ở cơ sở còn nhiều hạn chế. Phong trào thể dục thể thao quần chúng có bước phát triển nhưng chất lượng chưa cao; thể thao thành tích cao phát triển chưa bền vững. Tình trạng quá tải trong khám, chữa bệnh tại các bệnh viện công lập vẫn còn cao. Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động còn hạn chế, nhất là giải quyết việc làm cho sinh viên mới ra trường.

- Công tác cải cách hành chính vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp phát triển. Tình hình an ninh và trật tự an toàn xã hội ở một số địa phương còn diễn biến phức tạp, tai nạn giao thông còn ở mức cao, khiếu kiện đông người vẫn còn xảy ra.

Nguyên nhân của những khuyết điểm, tồn tại nêu trên là do tình hình khó khăn chung của kinh tế trong nước; thị trường tiêu thụ thiếu ổn định, chi phí đầu vào tăng, sản phẩm tiêu thụ chậm. Việc tổ chức triển khai thực hiện của một số ngành, địa phương còn thiếu tính chủ động, chưa đồng bộ, công tác phối hợp chưa chặt chẽ. Chỉ đạo xử lý một số vấn đề tồn tại, yếu kém chưa tập trung, kiên quyết.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019

Nhằm phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, tỉnh Bình Định đặt mục tiêu ***tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, khuyến khích phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nâng cao chất lượng khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo, y tế; phát triển văn hóa; bảo đảm an sinh xã hội và chăm lo đời sống nhân dân. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai; quản lý hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh cải cách hành chính và xây dựng chính quyền. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.*** Để đạt được mục tiêu chung nêu trên, cần tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ cụ thể và các giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp, tiếp tục tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường

Rà soát, điều chỉnh bổ sung Quy hoạch đối với một số ngành, nhóm hàng đang có lợi thế; tập trung thu hút đầu tư, đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp chủ lực như chế biến nông, lâm, thủy sản, thức ăn chăn nuôi, sản xuất vật liệu xây dựng và các ngành, mặt hàng đang có thị trường tiêu thụ ổn định như thuốc tân dược, giày dép, may mặc, thực phẩm; tiếp tục thu hút đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp cơ khí, công nghiệp nhựa, sản xuất thiết bị nông, lâm, thủy hải sản và phụ tùng thay thế,... kết hợp với trình độ công nghệ cao, công nghệ sạch, tiêu tốn ít nguyên liệu, năng lượng và thân thiện với môi trường. Theo dõi, đôn đốc và chủ động nắm bắt khó khăn, vướng mắc tình hình hoạt động và các dự án đầu tư của các doanh nghiệp để xem xét giải quyết, tháo gỡ kịp thời nhằm

tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Tạo điều kiện giúp các doanh nghiệp xử lý hàng tồn kho, sớm tiếp cận vốn vay của ngân hàng để phát triển sản xuất kinh doanh; đơn giản hóa thủ tục hành chính, nhất là đối với các lĩnh vực thuế, hải quan, đất đai, thành lập, giải thể doanh nghiệp... nhằm tạo thuận lợi và giảm chi phí sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp.

Tập trung chỉ đạo đầu tư, hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế Nhơn Hội và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo các nhà máy đang hoạt động, cũng như các nhà máy đưa vào hoạt động sản xuất trong năm 2018 phát huy công suất; dồn đốc đẩy nhanh tiến độ xây dựng hoàn thành các Nhà máy năng lượng mặt trời đã khởi công; tạo điều kiện, khuyến khích đầu tư mới các Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu, mở rộng Nhà máy bia Quy Nhơn, Nhà máy sữa Quy Nhơn... Đẩy nhanh tiến độ bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư để triển khai các dự án, nhất là dự án KCN, Đô thị và dịch vụ Becamex Bình Định và các dự án đầu tư mới đã đăng ký, cấp phép tại các khu, cụm công nghiệp; khẩn trương triển khai thực hiện các dự án giao thông, hạ tầng quan trọng phục vụ phát triển công nghiệp đảm bảo tiến độ đề ra; kiên quyết thu hồi chủ trương, địa điểm đối với các dự án do chủ đầu tư không đủ năng lực tài chính hoặc chờ đợi để chuyển nhượng; đồng thời, tiếp tục rà soát các cơ chế chính sách hiện có, bổ sung một số cơ chế, chính sách mới cùng với triển khai thực hiện các chính sách của Trung ương nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, nhất là đối với các mặt hàng có thế mạnh xuất khẩu của tỉnh. Cùng cố và phát huy vai trò của các Hiệp hội ngành, nghề nhằm hỗ trợ thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh.

2. Duy trì tốc độ tăng trưởng và phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp.

Tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Kịp thời bổ sung các cơ chế chính sách mới để khuyến khích phát triển các vùng sản xuất chuyên canh, vùng nông nghiệp công nghệ cao theo các chuỗi liên kết từ sản xuất, bảo quản, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm. Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp; ưu tiên nguồn lực và huy động toàn xã hội tham gia thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh ở nông thôn, nhất là các ngành sử dụng nhiều lao động để giải quyết việc làm, tăng thu nhập và chuyển dịch cơ cấu lao động.

Chuẩn bị tốt các điều kiện sản xuất vụ Đông Xuân 2018 -2019, nhất là bảo đảm cơ cấu giống, chất lượng giống và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để đạt năng suất, sản lượng cao nhất. Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy nhanh tiến độ khởi công xây dựng hồ Đồng Mít, khởi công xây dựng Đập ngăn mặn sông Lại Giang trong năm 2019. Chủ động xây dựng phương án sản xuất nông nghiệp năm 2019 phù hợp với điều kiện thiếu nước tưới; có cơ chế hỗ trợ nông dân đẩy mạnh gieo trồng các loại cây trồng cận giá trị cao, có thị trường tiêu thụ ổn định. Tiếp tục chuyển đổi cây trồng, mùa vụ hợp lý để nâng cao hiệu quả sản xuất. Tập trung phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng trang trại, gia trại, thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp kiểm soát dịch bệnh; khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung, quy mô hợp lý gắn với cơ sở giết mổ để bảo đảm phòng chống dịch bệnh. Chỉ đạo tốt công tác tiêm phòng, kiểm soát chặt chẽ việc mua bán, vận chuyển, giết mổ gia súc, gia cầm. Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng các cơ sở giết mổ tập trung nhằm tiến tới chấm dứt tình trạng giết mổ gia súc, gia cầm gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư.

Chỉ đạo hoàn thành công tác trồng rừng theo kế hoạch; tiếp tục thực hiện các dự án trồng rừng cảnh quan, rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố Quy Nhơn và các địa phương khác theo kế hoạch. Khuyến khích trồng rừng kinh tế theo mô hình kinh doanh cây gỗ lớn. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng, chống cháy rừng và vận chuyển, mua bán lâm sản trái phép. Tiếp tục tạo điều kiện để các chủ đầu tư triển khai nhanh các dự án ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản, tạo đột phá về năng suất và chất lượng thủy sản; khuyến khích đầu tư mở rộng công suất các Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản xa bờ theo quy định của Chính phủ. Chú trọng việc bảo đảm an toàn cho ngư dân, phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá, bảo đảm phòng tránh thiên tai. Tăng cường công tác quản lý, phục hồi, bảo vệ phát triển nguồn lợi thủy hải sản gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Tiếp tục thực hiện kiểm dịch tốt con giống thủy sản gắn với xử lý môi trường ao nuôi, phòng chống dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản. Triển khai khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU).

Tăng cường công tác quản lý đất đai, xử lý nghiêm việc khai thác khoáng sản trái phép; kiểm tra và có biện pháp xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm, gây ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất, các khu, cụm công nghiệp và làng nghề. Tiếp tục chỉ đạo xử lý kiên quyết các trường hợp lấn chiếm đất đai, xây dựng công trình trái phép. Đơn giản hóa thủ tục hành chính về đất đai, đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất cho nhân dân.

3. Đẩy mạnh phát triển các lĩnh vực dịch vụ có tiềm năng và lợi thế, phấn đấu tăng giá trị gia tăng ngành dịch vụ.

Thúc đẩy phát triển các hoạt động thương mại đi đôi với thực hiện tốt công tác quản lý thị trường, coi trọng phát triển thị trường trong nước và thực hiện chính sách khuyến khích tiêu dùng nội địa. Tăng cường liên kết, hợp tác với các địa phương trong nước để phát triển thương mại, dịch vụ. Phát triển các cụm thương mại, dịch vụ ở các thị trấn, thị tứ và điểm dân cư nông thôn, miền núi, góp phần đẩy mạnh lưu thông hàng hóa, đáp ứng nhu cầu đời sống của nhân dân. Chú trọng tăng cường các biện pháp kiểm soát, bình ổn giá cả thị trường, chống hàng giả, hàng kém chất lượng, nhất là trong dịp Tết Nguyên đán; ngăn chặn có hiệu quả hành vi gian lận thương mại, nhập khẩu hàng hóa kém chất lượng. Tiếp tục thực hiện hỗ trợ các doanh nghiệp, làng nghề tiểu thủ công nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước, duy trì và phát triển các làng nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống. Tích cực phát triển các mặt hàng có tiềm năng thành những mặt hàng xuất khẩu mới.

Chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, nguồn nhân lực du lịch. Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá du lịch, kết hợp chặt chẽ với xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư để mở rộng địa bàn, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch; phối hợp, tạo mọi điều kiện để mở các chuyến bay quốc tế đến Sân bay Phù Cát. Tiếp tục thúc đẩy các dự án đầu tư phát triển du lịch. Tiếp tục đầu tư hạ tầng và nâng cao sản lượng hàng hóa cảng biển, nâng cao chất lượng vận tải, bảo đảm phục vụ lưu thông hàng hóa và nhu cầu đi lại của nhân dân. Tiếp tục hỗ trợ, khuyến khích phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động các ngành dịch vụ tài chính, ngân hàng, bưu chính - viễn thông,... Mở rộng phát triển các dịch vụ mới, nhất là dịch vụ có giá trị cao và dịch vụ hỗ trợ kinh doanh; thúc đẩy phát triển mạnh mẽ thị trường lao động và thị trường khoa học - công nghệ.

4. *Đẩy mạnh thu ngân sách đảm bảo đạt và vượt kế hoạch đề ra, huy động vốn cho đầu tư phát triển*

Tăng cường chỉ đạo điều hành dự toán ngân sách năm 2019 bằng các biện pháp khai thác tốt các nguồn thu, kích thích tạo nguồn thu mới, chống thất thu ngân sách. Thực hành tiết kiệm chi ngân sách; chống lãng phí trong sử dụng kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản, chi hành chính và các lĩnh vực khác. Khuyến khích đẩy mạnh phát triển các hoạt động dịch vụ công cho các đơn vị sự nghiệp có thu.

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn, đẩy mạnh huy động các nguồn vốn trong xã hội cho đầu tư phát triển. Huy động tối đa nguồn nhân lực, nguồn vốn trong nhân dân, vốn của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI), vốn ODA, vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương để ưu tiên trả nợ và đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, góp phần đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng các công trình trọng điểm của tỉnh như: Đường phía Tây tỉnh; đường nối từ đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội đến Sân bay Phù Cát; đường ven biển, đoạn Cát Tiến – Đề Gi; nâng cấp các tuyến đường tỉnh lộ và các tuyến đường địa phương kết nối Quốc lộ 1 và các công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh.

5. *Phát triển các thành phần kinh tế, đẩy mạnh thu hút đầu tư và hợp tác phát triển*

Triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, hỗ trợ nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Khuyến khích các thành phần kinh tế ngoài nhà nước phát triển và thu hút các doanh nghiệp ngoài tỉnh tham gia đầu tư phát triển kinh doanh. Đẩy mạnh thu hút đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, trong đó chú trọng các dự án công nghiệp, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Tăng cường chỉ đạo đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã hiện có, có chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã nông nghiệp trở thành cầu nối giữa doanh nghiệp và nông dân trong quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Phát triển các loại hình doanh nghiệp trong hợp tác xã, các hình thức liên hiệp hợp tác xã, các hình thức hợp tác đa dạng thuộc các lĩnh vực công nông nghiệp, dịch vụ. Tiếp tục thực hiện thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa tỉnh ta với các địa phương trong nước và các tỉnh Nam Lào.

6. *Tiếp tục nâng cao chất lượng và đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa - xã hội.*

Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập trong các trường học, lớp học. Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực giáo dục, đào tạo nhằm huy động các nguồn lực của xã hội tham gia phát triển giáo dục - đào tạo. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện việc chuyển đổi các loại hình trường theo Nghị quyết HĐND tỉnh đảm bảo đạt được mục đích và yêu cầu đề ra. Thực hiện tốt chính sách tín dụng ưu đãi đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn trong học tập và chính sách đầu tư xây dựng ký túc xá, nhà ở cho học sinh, sinh viên ở các cơ sở đào tạo theo quy định.

Thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, chủ động phòng, chống các dịch bệnh nguy hiểm đối với người; tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm quá tải ở các bệnh viện; tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ vệ sinh an toàn thực phẩm. Thực hiện tốt công tác đấu thầu thuốc, vật tư y tế cho các bệnh viện trong toàn tỉnh, đảm bảo công tác khám chữa bệnh và cung ứng đầy đủ, kịp thời các loại thuốc, vắc xin, vật tư y tế tại các bệnh viện; kêu gọi huy động các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe để đáp ứng nhu cầu khám, chữa

bệnh của nhân dân. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh đi đôi với việc tăng cường ý thức, thái độ ứng xử và phục vụ bệnh nhân của đội ngũ nhân viên y tế. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật đối với hành nghề y dược tư nhân, quản lý dược phẩm, mỹ phẩm và quản lý giá thuốc trên địa bàn tỉnh.

Đôn đốc, tạo điều kiện để các nhà đầu tư nhanh chóng triển khai các dự án nghiên cứu khoa học, ứng dụng CNTT, trong đó có dự án đầu tư Công viên phần mềm TMA tại Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa (thành phố Quy Nhơn) sớm đi vào hoạt động.

Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, thông tin, truyền thông, phát thanh - truyền hình, thể dục thể thao. Tiếp tục đầu tư quy hoạch, xây dựng, bảo vệ, trùng tu tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa và vật phẩm văn hóa. Đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao quần chúng, đầu tư nâng cao chất lượng các môn thể thao thành tích cao. Tổ chức tốt lễ hội kỷ niệm các ngày lễ lớn của tỉnh và đất nước. Triển khai thực hiện có hiệu quả mô hình chính quyền điện tử và các quy hoạch phát triển của ngành bưu chính, viễn thông. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các dịch vụ Internet, xuất bản, báo chí...

Chi đạo thực hiện tốt các chính sách, giải pháp đảm bảo an sinh xã hội, góp phần ổn định đời sống nhân dân, nhất là các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách có công. Triển khai thực hiện tốt chương trình giảm nghèo, nhất là Đề án giảm nghèo nhanh và bền vững ở 3 huyện miền núi. Chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo nghề gắn với nhu cầu của xã hội. Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ cải thiện nhà ở cho hộ nghèo, người có thu nhập thấp, người có công và công nhân ở các khu công nghiệp. Chú trọng bảo vệ, chăm sóc và bảo đảm các quyền cơ bản của trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Thực hiện các chính sách, pháp luật về Bình đẳng giới và Chiến lược quốc gia Vì sự tiến bộ phụ nữ.

7. Về xây dựng chính quyền, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính: Tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác tinh giản biên chế, sắp xếp bên trong gắn với việc củng cố, hợp nhất một số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện. Thực hiện khẩn trương, đúng tiến độ, đảm bảo hiệu quả, chất lượng đối với việc sáp nhập các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục hành chính, tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quyết định hành chính; nâng cao chất lượng công vụ trong các cơ quan nhà nước từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn; hoàn thành đưa Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đi vào hoạt động để nhận, trả kết quả thủ tục hành chính tại một đầu mối. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp giữa các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Hoàn thành công tác thi tuyển công chức, viên chức theo đúng quy định.

Đề cao trách nhiệm của các cấp chính quyền, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong đấu tranh phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Phát huy vai trò của nhân dân và các cơ quan báo chí trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Tập trung giải quyết kịp thời, đúng chính sách, pháp luật các khiếu nại, tố cáo của công dân, giải quyết các vụ việc tồn đọng, không để xảy ra điểm nóng, khiếu nại đông người, vượt cấp kéo dài, gây mất trật tự, an toàn xã hội.

8. Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững trật tự, an toàn xã hội

Thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch về quốc phòng, an ninh, phòng chống tội phạm. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác huấn luyện, xây dựng lực lượng

và các chế độ chính sách đối với lực lượng công an xã và lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh. Chủ động tổ chức phòng, chống có hiệu quả các vấn đề chính trị phát sinh, các loại tội phạm, nhất là tội phạm hình sự, tội phạm trong lứa tuổi thanh - thiếu niên, giữ gìn trật tự công cộng và giải quyết các tệ nạn xã hội ở các địa bàn trọng điểm. Tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp giảm thiểu tai nạn giao thông; phòng, chống cháy nổ trên địa bàn tỉnh. / *lv*

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3. *Bh*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Cao Thắng



PHỤ LỤC SỐ 01

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP NGÀY 01/01/2018 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Văn bản số 235 /BC-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2018			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện	Thời gian dự kiến hoàn	
1	Tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững						
1.1	Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý đầu thầu; đẩy mạnh đầu thầu qua mạng theo lộ trình của Thủ tướng Chính phủ và các hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	năm 2018		x			
1.2	Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý ngân sách nhà nước. Làm rõ trách nhiệm, xử lý nghiêm các tổ chức và cá nhân vi phạm, đặc biệt là các tổ chức, cá nhân gây chậm trễ việc thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018 gây thất thoát, lãng phí nguồn lực của nhà nước.	năm 2018		x			
1.3	Chủ động rà soát tiến độ thực hiện làm căn cứ để xem xét việc điều chỉnh kế hoạch vốn đã phân bổ cho các chương trình, dự án không có khả năng giải ngân sang các chương trình, dự án có khả năng giải ngân tốt, ưu tiên các chương trình, dự án kết thúc Hiệp định năm 2018, tổng hợp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.	Quý I/2018		x			
2	Tập trung phát triển toàn diện, mạnh mẽ sản xuất kinh doanh gắn với phát triển thị trường và hội nhập quốc tế.						
3	Tập trung thực hiện quyết liệt và đồng bộ 3 đột phá chiến lược, tạo chuyển biến rõ nét và thực chất trong cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế						

3.1	Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước.	năm 2018		x			
3.2	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực kết cấu hạ tầng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.	năm 2018		x			
3.3	Triển khai ngay việc cơ cấu lại, cô phân hóa doanh nghiệp nhà nước theo đúng Đề án, tiến độ, lộ trình đề ra, không dồn việc thoái vốn vào cuối giai đoạn (năm 2019 - 2020); kiên quyết thoái hết vốn nhà nước tại các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ theo cơ chế thị trường, xử lý nghiêm các trường hợp cố tình chậm triển khai, trong đó có trách nhiệm của người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước.	năm 2018		x			
4	Bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội						
4.1	Nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân, nhất là học sinh, sinh viên, trẻ em dưới 6 tuổi; mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm xã hội.	năm 2018 và các năm tiếp theo					đang triển khai thực hiện
4.2	Thực hiện Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016 - 2020 và Đề án về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.	năm 2018-2020					đang triển khai thực hiện
5	Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu						
5.1	Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, kiểm soát chặt chẽ việc đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư. Lồng ghép mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo các quy định của quốc tế và các cam kết của Việt Nam vào các Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ngành và địa phương.	năm 2018 và các năm tiếp theo					đang triển khai thực hiện
5.2	Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về thích ứng với biến đổi khí hậu (COP21), các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) và tăng trưởng xanh.	năm 2018 và các năm tiếp theo					đang triển khai thực hiện
5.3	Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; di dân tái định cư ra khỏi vùng có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất	năm 2018 và các năm tiếp theo					đang triển khai thực hiện
6	Thúc đẩy mạnh mẽ cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; xây dựng chính phủ điện tử phục vụ người dân gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, giải quyết tốt khiếu nại, tố cáo						

6.1	Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các cơ quan chức năng để trao đổi cung cấp thông tin về tham nhũng. Đẩy mạnh thanh tra trách nhiệm thực thi công vụ; thanh tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng. Xử lý kiên quyết, kịp thời các hành vi tham nhũng, thu hồi triệt để tài sản của Nhà nước bị chiếm đoạt, thất thoát.	năm 2018		x			
6.2	Nghiên cứu, xây dựng và thực hiện các giải pháp tạo chuyên môn mạnh mẽ, cải thiện căn bản các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh; thường xuyên tổ chức các cuộc đối thoại với doanh nghiệp, kịp thời xử lý những phản ánh và kiến nghị của doanh nghiệp	năm 2018		x			
6.3	Nghiên cứu và xây dựng Đề án chuyển giao cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội có đủ năng lực đảm nhiệm một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà các cơ quan hành chính nhà nước không nhất thiết phải thực hiện; đổi mới phương pháp, cách thức giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở nguyên tắc bảo đảm an ninh, an toàn, hiệu quả, thuận tiện, phục vụ theo nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.	năm 2018 và các năm tiếp theo					đang triển khai thực hiện
6.4	Tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung cải cách hành chính theo quy định tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011, Nghị quyết số 36a/NQ-CP, Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016, Quyết định số 609/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2017; tăng cường giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; tăng cường công tác tuyên truyền cải cách hành chính; giải quyết các kiến nghị của bộ, ngành, địa phương liên quan đến cải cách hành chính	năm 2018 và các năm tiếp theo					đang triển khai thực hiện
6.5	Tập trung cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ các cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính liên quan đến đất đai, nông nghiệp nông thôn, ứng dụng công nghệ thông tin, khởi nghiệp, phát triển du lịch, tiếp cận tín dụng; bảo hiểm xã hội, chính sách đối với người có công; lý lịch tư pháp, hộ tịch... Tiếp tục cắt, giảm, đơn giản hóa thủ tục kiểm tra chuyên ngành, điều kiện kinh doanh và chi phí cho doanh nghiệp.	năm 2018 và các năm tiếp theo					đang triển khai thực hiện
6.6	Xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ, tỉnh.	năm 2018-2019					đang triển khai thực hiện
6.7	Tổ chức triển khai việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.	2018 và các năm tiếp theo					đang triển khai thực hiện
6.8	Rà soát, lựa chọn các thủ tục hành chính đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định của pháp luật để tăng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, bảo đảm thực hiện được mục tiêu Quốc hội giao.	năm 2018		x			
6.9	Tập hợp, số hóa và cập nhật vào các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để tích hợp, chia sẻ dữ liệu. Đẩy mạnh việc xây dựng và sử dụng các phần mềm dùng chung, cơ sở dữ liệu, bảo đảm tính tương thích, đồng bộ và thông suốt.	năm 2018-2019					đang triển khai thực hiện

6.10	Tập trung triển khai Nghị quyết Trung ương 6 về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh cải cách hành chính nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành chính quyền các cấp; duy trì kỷ luật, kỷ cương hành chính.	năm 2018 và các năm tiếp theo					đang triển khai thực hiện
6.11	Kiểm toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; thu gọn đầu mối bên trong của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổng cục.						đang triển khai thực hiện
6.12	Giảm đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm mục tiêu giảm 10% đơn vị sự nghiệp công lập đến năm 2021	Quý IV/2018		x			
6.13	Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách về tinh giản biên chế; rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ, ngành, địa phương bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu quả và gắn kết chặt chẽ với các chính sách tinh giản biên chế.	năm 2018		x			
6.14	Hoàn thiện, phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính theo danh mục đã được phê duyệt, làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.	năm 2018		x			
6.15	Châm dứt việc tự phê duyệt và giao biên chế vượt quá số đã được cấp có thẩm quyền giao. Xây dựng kế hoạch và giải pháp để giải quyết dứt điểm số biên chế vượt quá số biên chế được giao. Các cơ quan, đơn vị chưa sử dụng hết số biên chế được giao phải xem xét, cắt giảm phù hợp. Giảm tối thiểu 2,5% biên chế được giao so với năm 2015.	năm 2018		x			
6.16	Tăng cường đổi mới phương thức, lề lối làm việc của cơ quan hành chính nhà nước; giảm hội họp, đơn giản hóa chế độ báo cáo; xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp; xử lý dứt điểm và công khai kết quả xử lý các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính.	năm 2018 và các năm tiếp theo					đang triển khai thực hiện
6.17	Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; khắc phục dứt điểm tình trạng nợ đọng việc ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh; nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính hợp pháp, đồng bộ và thống nhất. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và của cán bộ, công chức trong thi hành nhiệm vụ, công vụ; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra công vụ; xử lý nghiêm và kịp thời các cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm trong thực thi nhiệm vụ, công vụ, những thiếu sót, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính.	năm 2018 và các năm tiếp theo					đang triển khai thực hiện

6.18	Ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, xử lý công việc thông qua việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc, hệ thống thư điện tử công vụ. Cuối năm 2018, các vụ, cục, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Ủy ban nhân dân cấp huyện phải xử lý được hồ sơ công việc trên môi trường mạng	năm 2018		x			
6.19	Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng và thực hiện nghiêm Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương về phòng chống tham nhũng. Tăng cường phòng chống, phát hiện, xử lý nghiêm các vụ việc tham nhũng; đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng nghiêm trọng, được xã hội quan tâm; thu hồi triệt để tài sản bị thất thoát.	năm 2018		x			
7	Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, cứu hộ, cứu nạn; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế						
	Sẵn sàng ứng phó kịp thời, hiệu quả các sự cố, thiên tai và cứu hộ, cứu nạn.	năm 2018 và các năm tiếp theo					đang triển khai thực hiện
8	Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông						
9	Tăng cường công tác phối hợp giữa Chính phủ và các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quyết tâm thực hiện thành công nhiệm vụ, mục tiêu và giải pháp đề ra						
	Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, làm tốt công tác dân vận, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể trong vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước góp phần tạo đồng thuận xã hội.	năm 2018 và các năm tiếp theo					đang triển khai thực hiện



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 02

PHỤ LỤC SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2018
(Kèm theo Văn bản số 255 /BC-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị	TH năm 2017	Kế hoạch 2018	TH năm 2018
A	B	C			
	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU				
1	Tổng sản phẩm địa phương (GRDP) Theo giá so sánh 2010	Tỷ đồng	106,72	107-107,2	107,32
	- Nông lâm thủy sản	"	103,24	103	104,99
	- Công nghiệp - Xây dựng	"	109,72	110-110,2	109,03
	- Dịch vụ	"	106,79	107,2-107,5	107,38
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	"	106,28	106,50	108,43
	Cơ cấu tổng sản phẩm địa phương	%	100	100	100
	- Nông lâm thủy sản	%	26,1	26,5	26,5
	- Công nghiệp - Xây dựng	%	31,4	30,9	30,9
	- Dịch vụ	%	38,1	38,3	38,3
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	4,4	4,3	4,3
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	108,8	8,7	8,7
3	Tốc độ tăng vốn đầu tư phát triển hàng năm	%	12	9,2	9,7
4	Kim ngạch Xuất khẩu	Triệu USD	730	800	800
5	Thu ngân sách	Tỷ đồng	7.604,6	6.775,5	8.466,4
6	Mức giảm tỷ suất sinh	‰	0,1	0,1	0,1
7	Giải quyết việc làm bình quân hàng năm	Nghìn lao động	29,81	29,85	29,92
8	Tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng nghề	%	50	52	52
9	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	10	17	17
9	Tỷ lệ che phủ rừng	%	53,95	53	54
10	Số giường bệnh /vạn dân	Giường	29,3	30,0	30,2
11	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế so với dân số	%	87	88,5	98,7
12	Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội				11,7
13	Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ	%	100	100	100
14	Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	95,6	97,5	97,5
15	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	10,4	<10	9,7
16	Tỷ lệ hộ nghèo	%	8,95	7,45	7,05
17	Dân cư đô thị được dùng nước sạch	%	78	79	79
18	Dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh	%	97,0	98,0	98,0
19	Tỷ lệ chất thải công nghiệp, chất thải y tế được thu gom và xử lý môi trường đạt chuẩn		78,0	80,0	85,0

